TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/DS-PT
Ngày: 25-8-2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ

Các Thẩm phán: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Hoàng Tùng – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án số 2 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L, thuộc Văn phòng luật sư Sao Liên Việt (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, xã T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Ông: Đinh Văn C, sinh năm 1941

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, xã T, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, xã T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1970 (Có mặt).

3. Anh Đinh Văn Đ, tên gọi khác (Đai), sinh năm 1973 (Có mặt).

4. Anh Đinh Văn B, sinh năm 1983 (Có đơn xét xử vắng mặt).

5. Chị Đinh Thị O, sinh năm 1985 (Có mặt).

6. Chị Đinh Đặng D1, sinh năm 1996 (Có đơn xét xử vắng mặt).

7. Anh Đinh Văn D2, sinh năm 1974 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, xã T, tỉnh Cao Bằng.

8. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn T2 (Có văn bản số 1749/UBND-VP đề nghị xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và bản tự khai ngày 08/6/2023 nguyên đơn Hoàng Văn Q trình bày: Gia đình tôi có thửa đất lâm nghiệp được Nhà nước giao trồng cây và phát triển rừng, theo Quyết định số 147/UB-QĐ của UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng thuộc lô 62 nằm trong một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 01 có diện tích 11.229 m² tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng có diện tích 0,04ha, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN-QSDĐ); tuy nhiên, đã bị thu hồi. Lô đất của tôi liền kề với các lô 63 của ông Đinh Văn C và lô số 61 của ông Triệu Văn V. Gia đình tôi đã trồng cây thông và đào rãnh làm ranh giới từ năm 1996-1997. Ngoài ra, gia đình tôi còn có 01 thửa đất nông nghiệp đã được cấp GCN-QSDĐ thửa đất liền kề với đất rừng gia đình ông C. Đến tháng 9/2022 chị Đinh Thị T (con gái ông C) có đến khu đất trồng rừng trên tự nhận và chiếm lấy hai vị trí đất của gia đình tôi.

Khi phát sinh tranh chấp xảy ra, đã được UBND thị trấn T tiến hành hòa giải, giải quyết và yêu cầu các bên không được thay đổi hiện trạng, nhưng chị Đinh Thị T

tiếp tục trồng rất nhiều cây thông mới trên diện tích đất có tranh chấp và xóa bỏ ranh giới cũ đã tồn tại được hơn 30 năm và còn đào thêm 01 rãnh mốc ranh giới trên phần đất;

Vị trí tranh chấp số 1: Nằm trong một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 01 có diện tích 11.229 m² tại Tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, diện tích tranh chấp khoảng 258,1 m²; có ranh giới tứ cận như sau:

Phía Đông, giáp đất ông Triệu Văn V là 18,68 m;

Phía Tây, giáp đất ông Đinh Văn C là 31,37 m;

Phía Nam, giáp đất ông Hoàng Văn Q là 10,87 m;

Phía Bắc, giáp đất ông Trần Văn H (đất nay đã được san phẳng) là 13,89 m.

Vị trí tranh chấp số 2: Phần đất có diện tích tranh chấp khoảng 102,9 m², có ranh giới tứ cận như sau:

Phía Đông, giáp đất nông nghiệp của ông Hoàng Văn Q là 29 m;

Phía Tây, giáp đất của ông Đinh Văn C là 46,48 m;

Phía Nam, giáp đất nông nghiệp của bà Nông Thị N là 9,65 m;

Phía Bắc, giáp đất của ông Hoàng Văn Q là 9,52 m.

Hiện tại trên đất còn có nhiều cây thông được trồng từ năm 1996, 1997. Yêu cầu, gia đình ông C, chị T trả lại nguyên trạng hai vị trí đất đã lấn chiếm cho gia đình tôi.

Tại đơn trình bày ngày 24/4/2023 và bản tự khai tại Tòa án đại diện bên bị đơn chị Đinh Thị T trình bày: Gia đình tôi được nhà nước giao cho quản lý lô đất rừng số 63, có diện tích 0,105 ha vào năm 1998 theo Quyết định số 147/QĐ-UB ngày 11/11/1998. Khoảng thời gian từ năm 1982 đến 1987 gia đình tôi canh tác trồng trọt làm nương rẫy, từ năm 1988 đến 1995 anh chị em trong gia đình tôi vẫn quản lý, canh tác và luân canh trồng các cây nông nghiệp: khoai lang, sắn, ngô... trên thửa đất này. Năm 1996, khi nhà nước có chủ trương giao rừng và quản lý đất lâm nghiệp, tôi cùng với anh trai (Đinh Văn Đ) là những người đại diện cho hộ gia đình, trực tiếp nhận đất rừng và giống cây thông về trồng trên diện tích đất rừng được giao... Khi thông mọc và lớn dần, gia đình tôi hàng năm lên tỉa cành thông, chăm sóc, phát quang trên thửa đất lâm nghiệp và không có tranh chấp xảy ra. Đến khi thông thành phẩm bà Nông Thị M tự nhận cây thông là của gia đình bà và đến khai thác, đem bán lấy tiền. Do đó, đã phát sinh tranh chấp, tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu gia đình ông Q, bà M trả lại đất và hoàn lại số tiền đã bán cây cho gia đình tôi.

Thửa đất lâm nghiệp, theo quyết định giao rừng mang tên bố tôi Đinh Văn C thuộc lô số 63 (do ông Hoàng Văn Đ2 vẽ tỷ lệ 1/5000) có diện tích 0,105ha. Tứ cận lô đất như sau:

Phía Đông: Giáp đất ông Triệu Văn V;

Phía Tây: Giáp đất bà Ban Thị M2;

Phía Bắc: Trên đỉnh đồi của ông La Văn H2 và bà Nông Thị L (đã bán cho ông Trần Văn H);

Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp của ông Hoàng Văn Q mua lại với ông V.

Gia đình tôi có đầy đủ giấy tờ, sơ đồ thửa đất để chứng minh nguồn gốc phần đất tranh chấp là của gia đình chúng tôi quản lý. Như vậy, tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện từ phía nguyên đơn và đề nghị gia đình ông Q, bà M trả lại số tiền đã bán số (30 cây thông) trị giá 1.000.000 đồng/01 cây, với tổng số tiền 30.000.000 đồng hoàn lại cho gia đình tôi.

Theo bản tự khai ngày 08/6/2023 bà Nông Thị M trình bày: Gia đình tôi có thửa đất rừng, được nhà nước giao từ năm 1998 có diện tích 0,04 ha, thuộc lô số 62, liền kề với các lô số 61 của ông Triệu Văn V và lô 63 của ông Đinh Văn C. Tôi đã trồng cây thông trên diện tích đất được giao và đào rãnh mương phân định ranh giới từ năm 1996-1997. Tại khu vực đồi cát gia đình tôi còn có thửa đất nông nghiệp mua với ông Nông Thế V thửa đất này đã có GCN-QSDĐ có vị trí liền kề với đất rừng nhà ông C... Năm 2021, khi có người đến đặt vấn đề khai thác lấy mủ nhựa thông, tôi cùng các hộ gia đình khác cùng nhất trí cho khai thác. Sáng 02/9/2022, chị Đinh Thị T (con gái ông C) lên đồi thông, chửi bới tôi nói rằng tôi cho chặt phá khu rừng thông của gia đình chị. Tôi xác định cả hai vị trí có tranh chấp và các cây thông tôi đã bán đều là số cây thông do tôi trồng trên đất của gia đình mình.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Văn T1: Về nguồn gốc đất rừng thông là do bố tôi (ông Đinh Văn C) khai hoang từ năm 1982, có các vị trí tiếp giáp với hộ ông V bà H, thửa đất trên trước đó gia đình tôi canh tác làm rẫy... sau này được nhà nước cấp giống trồng cây thông. Khi đó, gia đình tôi có anh Đinh Văn Đ và em gái Đinh Thị T là người trực tiếp nhận rừng và giống cây trồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Văn Đ: Về nguồn gốc thửa đất canh tác, tôi được cùng bố, mẹ đẻ là ông Đinh Văn C và bà Hà Thị Phàng (đã chết) khai hoang từ năm 1985 để trồng hoa màu... Còn gia đình ông Hoàng Văn Q đến định cư tại Tổ dân phố 7 vào năm 1992. Như vậy, về nguồn gốc đất mà hiện nay gia đình ông Q khởi kiện tranh chấp khu đất rừng thông là không có căn cứ.

Lời khai của ông Triệu Văn V (người có đất gần với khu đất tranh chấp) khai: Ông được cấp đất đồi từ năm 1997... Hiện nay phần đất của gia đình ông với gia đình ông Q có ranh giới rõ ràng nên ông không có ý kiến gì. Ông không biết ranh giới cụ thể giữa đất của gia đình ông Q, bà M với gia đình ông Đinh Văn C.

Bà Nông Thị L trình bày: Gia đình tôi cùng hàng xóm với bị đơn và là hàng xóm cũ của nguyên đơn... Vì hiện nay bà đã bán phần đất được giao cho ông Trần Văn H...

Theo lời khai của bà Nông Thị N: Bà là người cùng xóm với gia đình ông C, cháu T và cũng là hàng xóm cũ với gia đình ông Q, bà M. Gia đình ông Hoàng Văn Q chỉ có phần đất rẫy, số cây thông trước đó đã thu hoạch để bán, đều do gia đình ông C, cháu T trồng.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cao Bằng quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn Q về việc yêu cầu bị đơn Đinh Văn C, Đinh Thị T trả lại hai vị trí đất đang tranh chấp tại Tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ 7, xã T, tỉnh Cao Bằng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Đinh Thị T. Buộc ông Hoàng Văn Q phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm tài sản cho bị đơn Đinh Văn C, Đinh Thị T số tiền: 11.902.500 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Hoàng Văn Q kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm lại vụ án, chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản" tiến hành thụ lý, giải quyết là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn Q yêu cầu hủy, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông đối với hai vị trí đất tranh chấp và buộc bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm:

- Về nguồn gốc đất và giá trị pháp lý của các tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Quyết định giao rừng số 147/QĐ-UB ngày 11/11/1998 giao cho ông Hoàng Văn Q lô

62 diện tích 0,04 ha, giao ông Đinh Văn C lô 63 diện tích 0,105 ha chỉ thể hiện diện tích trên giấy tờ mà hoàn toàn không xác định cụ thể tọa độ, mốc giới ngoài thực địa...

- Đối với GCN-QSDĐ cấp năm 2006: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 01 cấp sai lệch cho hộ ông Nông Văn Q và bà Nông Thị M đã bị UBND huyện T thu hồi theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 27/7/2020. Do đó, GCN-QSDĐ năm 2006 không còn giá trị pháp lý làm căn cứ giải quyết.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với quyết định buộc bồi thường giá trị tài sản bị xâm phạm số tiền 11.902.500 đồng: Lời khai của các hộ dân liền kề như bà Nông Thị N khẳng định toàn bộ số cây thông bị chặt hạ do gia đình bị đơn (ông C, chị T) trồng, chăm sóc. Việc ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị M tự ý chặt hạ bán 30 cây thông là hành vi trái pháp luật gây thiệt hại. Do đó, buộc ông Q bồi thường 11.902.500 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo về chi phí tố tụng và án phí: Ông Hoàng Văn Q phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2025). Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Văn Q.

Xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng THADS Khu vực 1, CB;
- TAND Khu vực 1 - CB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Đức Thọ